

Số: 76/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Nam Cần Thơ

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-KĐCL ngày 03/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVIII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-KĐCL ngày 03/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVIII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Nam Cần Thơ, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVIII ngày 22/6/2024 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật kinh tế (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Nam Cần Thơ của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 43 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 86%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Nam Cần Thơ và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT KINH TẾ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

(Kèm theo Nghị quyết số: 76/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 1.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chí 7.1	4	4.20	5	100%
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	5			
Tiêu chuẩn 2				Tiêu chí 7.4	4				
Tiêu chí 2.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	3	4.00	4	80%
Tiêu chuẩn 3				Tiêu chí 8.2	4				
Tiêu chí 3.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4				Tiêu chuẩn 9					
Tiêu chí 4.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 9.1	4	4.20	5	100%
Tiêu chí 4.2	3				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5				Tiêu chí 9.4	4				
Tiêu chí 5.1	4	3.60	3	60%	Tiêu chí 9.5	5			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4	3.83	5	83.33%
Tiêu chí 5.4	3				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.3	3						
Tiêu chuẩn 6				Tiêu chí 10.4	4				
Tiêu chí 6.1	4	4.14	7	100%	Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4	4.00	5	100%
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
		Tiêu chí 11.5	4						
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		43			86%				

HỒ SƠ KIỂM ĐỊNH

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT KINH TẾ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

*(Kèm theo Nghị quyết số: 76/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật kinh tế (CTĐT) của Trường Đại học Nam Cần Thơ đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, được rà soát, cập nhật gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Trường và mục tiêu giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT thể hiện được các yêu cầu chung và yêu cầu đặc thù của CTĐT. Bản mô tả CTĐT có đủ nội dung chính, được cập nhật. Chương trình dạy học được thiết kế tiếp cận theo chuẩn đầu ra theo các quy định, hướng dẫn của Trường. Chương trình dạy học được rà soát, điều chỉnh dựa trên đối sánh với CTĐT của cơ sở giáo dục khác và tham khảo ý kiến của các bên liên quan. Chương trình dạy học có trình tự dạy học khá hợp lý, logic phù hợp với mức độ nhận thức của người học. Triết lý giáo dục của Trường được giải thích, hướng dẫn chuyển tải vào CTĐT; hoạt động dạy-học thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng tự học, kỹ năng mềm, tính chủ động, sáng tạo và khả năng học tập suốt đời của người học. Quy trình, hướng dẫn đánh giá kết quả học tập rõ ràng, cụ thể. Đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ được quy hoạch, bồi dưỡng; năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên đáp ứng tốt yêu cầu của CTĐT; kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên, nhân viên được giám sát, đánh giá và ghi nhận; cán bộ hỗ trợ và nhân viên nhiệt huyết, có tinh thần cống hiến. Chính sách, quy định tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn người học rõ ràng, đa dạng; kết quả tuyển sinh tốt. Hoạt động tư vấn học tập và chất lượng các dịch vụ được chú trọng; môi trường tâm lý và cảnh quan sư phạm tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong Trường. Cơ sở vật chất và thư viện đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, tốt nghiệp sớm được giám sát. Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được quan tâm và tổ chức có nền nếp. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT khá cao.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát để xác định rõ định hướng của CTĐT, thể hiện rõ hơn chuẩn đầu ra của CTĐT để đảm bảo có thể đo lường đánh giá hoặc xem xét thiết kế các chỉ báo của chuẩn đầu ra tạo điều kiện thuận lợi trong việc thiết kế các học phần và đánh giá mức đạt chuẩn đầu ra của người học. Mở rộng mạng lưới hợp tác để huy động được đa dạng và đầy đủ hơn các bên liên quan khi khảo sát, đánh giá chất lượng CTĐT. Cải tiến nội dung khảo sát, hình thức khảo sát các bên liên quan một cách tổng thể và có tính chất dự báo, tránh lãng phí nguồn lực và làm mất tính ổn định của CTĐT.



2. Cập nhật Bản mô tả CTĐT thể hiện rõ các thông tin về logic của CTĐT. Rà soát các nội dung trùng lặp hoặc chưa chuẩn xác, bổ sung mô tả vắn tắt cho các học phần để đảm bảo thông tin chuẩn xác về CTĐT đến các bên liên quan. Điều chỉnh mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra hợp lý và logic hơn để định hướng quá trình thực hiện và đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần. Tách biệt các buổi giảng lý thuyết với các buổi thảo luận/thực hành để giúp người học có thể thực hiện đầy đủ nhiệm vụ chuẩn bị cho từng buổi thảo luận/thực hành. Bổ sung học liệu mới của học phần.

3. Chuẩn hóa tên học phần, nội dung học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đảm bảo theo quy định; rà soát các học phần để đảm bảo đóng góp hợp lý vào chuẩn đầu ra của CTĐT. Chuẩn hóa thông tin về khối lượng tín chỉ của các học phần, xác định điều kiện tiên quyết của học phần phù hợp theo tiến trình về tích lũy kiến thức, hình thành chuẩn đầu ra của người học. Cải tiến hoạt động khảo sát các bên liên quan để đánh giá và cải tiến tổng thể chương trình dạy học, nâng cao tính hiệu quả, tránh hình thức.

4. Bổ sung số tín chỉ cho kiến tập chuyên môn, thể hiện rõ thời lượng giảng dạy lý thuyết và thực hành, thảo luận...; có cơ chế cho người học tự đăng ký các học phần tự chọn. Rà soát lịch trình giảng dạy để đảm bảo tất cả các học phần đều được triển khai giảng dạy trên thực tế. Tăng cường cơ chế giám sát, hội thảo chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy-học cho giảng viên; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; sớm đưa vào áp dụng hệ thống LMS một cách đồng bộ với hệ thống thiết kế bài giảng điện tử, học liệu để đa dạng hóa hoạt động dạy-học và tạo điều kiện rèn luyện cho người học khả năng học tập suốt đời. Đưa phương pháp diễn án (hoặc phương pháp đóng vai) vào lịch trình giảng dạy chính khóa của một số học phần tổ tụng và một số học phần kỹ năng chuyên ngành. Bố trí lịch trình giảng dạy hợp lý giúp người học có thể dễ dàng tiếp thu kiến thức của học phần.

5. Chú trọng đo lường các kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của người học; đa dạng hơn nữa các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Thực hiện các quy định và hướng dẫn đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định. Phân tích kết quả thi để có căn cứ điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, của CTĐT. Khắc phục các tồn tại đã được nhận diện về công tác đề thi; đa dạng hóa phương pháp kiểm tra đánh giá; xây dựng ma trận câu hỏi thi để làm cơ sở xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần. Giám sát phù hợp để đảm bảo độ khách quan và công bằng trong đánh giá kết quả học tập nhất là trong bối cảnh Trường không quy định rọc phách bài thi kết thúc học phần. Tăng cường cơ chế giám sát việc chấm thi và công bố kết quả kịp thời cho người học.

6. Quan tâm công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên có tính đến các yêu cầu đặc thù của CTĐT và có các chính sách phù hợp nhằm gia tăng số lượng giảng viên có trình độ và học hàm cao cho CTĐT. Có cơ chế ghi nhận, đánh giá kết quả phục vụ cộng đồng của giảng viên; cập nhật Đề án vị trí việc làm và quan tâm đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực cụ thể của giảng viên về giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, năng lực về khoa học giáo dục và các năng lực đáp ứng các yêu cầu bối cảnh hội nhập và Cách mạng công nghiệp 4.0. Ban hành KPIs để đánh giá hiệu quả kết quả công việc của giảng viên. Có chính sách và cơ chế phù hợp hỗ trợ hiệu quả để giảng viên tham gia và chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và công bố quốc tế.

7/11

7. Phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên trên cơ sở quy mô đào tạo các ngành đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành Luật kinh tế để có kế hoạch và chính sách hiệu quả thu hút, tuyển dụng cán bộ có trình độ, năng lực cao. Đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng so chiếu với yêu cầu đặc thù của CTĐT và yêu cầu vị trí việc làm. Nghiên cứu xây dựng KPIs để đánh giá hiệu quả và kết quả công việc của đội ngũ nhân viên.

8. Khảo sát, phân tích và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành Luật kinh tế để có phương thức và tiêu chí tuyển sinh phù hợp; đánh giá mức độ phù hợp, độ tin cậy của các phương thức tuyển sinh từ đó có biện pháp cải tiến, điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu hút được học sinh giỏi vào học. Tăng cường giám sát sự tiến bộ của sinh viên, quan tâm tới thống kê, phân tích và xử lý dữ liệu, từ đó có giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ sinh viên để giảm tỷ lệ thôi học; Nâng cấp phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý, giám sát quá trình học tập và quá trình rèn luyện của sinh viên; thành lập bộ phận chuyên trách về việc hỗ trợ, tư vấn tâm lý học đường; Tăng cường đầu tư cho hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học, đặc biệt hoạt động sinh viên khởi nghiệp, sáng tạo.

9. Rà soát không gian làm việc cho giảng viên, đảm bảo điều kiện thực hành tốt hơn cho người học; rà soát, cập nhật sách và tài liệu tham khảo, cũng như tạp chí khoa học ngành liên quan. Tiếp cận và ký hợp đồng với các công ty luật, văn phòng luật sư trên địa bàn để phục vụ công tác đào tạo. Phát triển phần mềm quản trị đại học tổng thể, đảm bảo tính liên thông trong vận hành Nhà trường; từng bước chuyển giao phần mềm cho đội ngũ nhân sự IT của Trường. Cần quan tâm nhiều hơn đến khả năng tiếp cận cho người khuyết tật đến các dịch vụ của Nhà trường.

10. Bổ sung kèm theo các quy trình hệ thống các văn bản hướng dẫn đồng bộ để phục vụ thiết kế, rà soát và đánh giá CTĐT. Phân tích yêu cầu của thị trường lao động, tham khảo ý kiến của các bên liên quan cũng như tham khảo, đối sánh với CTĐT của các cơ sở giáo dục khác cần được đầu tư và có tính tổng thể, khoa học hơn để có cơ sở cải tiến chất lượng CTĐT, tránh lãng phí nguồn lực và làm mất tính ổn định của CTĐT. Cải tiến hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá để đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT.

11. Phân tích đầy đủ các nguyên nhân và có giải pháp hiệu quả giảm tỷ lệ người học chậm tốt nghiệp; khuyến khích sinh viên học trước để tốt nghiệp trước thời hạn. Việc lựa chọn các nhà sử dụng lao động để tham khảo các ý kiến phục vụ cải tiến CTĐT cần dựa vào uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động; có các giải pháp kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp để tăng cường khả năng việc làm cho sinh viên tốt nghiệp. Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để hỗ trợ hiệu quả việc theo dõi, giám sát kết quả học tập của người học; có cơ chế, chính sách để khuyến khích và thúc đẩy sinh viên tham gia tích cực vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, đảm bảo đủ nguồn kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên theo quy định; tăng chất lượng và độ tin cậy của các khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan; đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan với các CTĐT của các cơ sở giáo dục khác để thu thập được những thông tin hữu ích phục vụ cho hoạt động cải tiến chất lượng.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực

hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật kinh tế gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.



